

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Số: 156/CMT-HĐQT

V/v CBTT báo cáo thường niên năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (mã chứng khoán PCE) công bố thông tin về báo cáo thường niên năm 2017 như tài liệu đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- P.TCHC (đăng tin website);
- Lưu: VT, Thư ký Cty (LT).

Đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2017.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
THÀNH VIÊN HĐQT



Nguyễn Văn Quyền



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
Lô A2, Cụm Công nghiệp Nhơn Bình, P. Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
Đt: 0256.3848488 – Fax: 0256.3848588 – Website: www.pce.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2017

Quy Nhơn, tháng 3 năm 2018



MỤC LỤC

Phần I. Thông tin chung	01
I. Thông tin khái quát.....	01
II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	01
III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	02
IV. Định hướng phát triển.....	03
V. Các rủi ro	03
Phần II. Tình hình hoạt động trong năm 2017	05
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	05
II. Tổ chức và nhân sự.....	07
III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	08
IV. Tình hình tài chính.....	08
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	10
VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	10
Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc	12
I. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	12
II. Tình hình tài chính.....	12
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	13
IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	14
V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có).....	14
VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty... ..	14
Phần IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	15
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	15
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	16
III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	16
Phần V. Quản trị Công ty	17
I. Hội đồng quản trị.....	17
II. Ban Kiểm soát	19
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS	20
Phần VI. Báo cáo tài chính	22
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	22

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100733174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15/8/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 23/3/2017.
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).
- Địa chỉ: Lô A2, Cụm CN Nhơn Bình, P.Nhơn Bình, TP.Quy Nhơn, T.Bình Định.
- Số điện thoại: 0256 - 3848488.
- Số fax: 0256 - 3848588.
- Website: www.pce.vn.
- Mã chứng khoán: PCE

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 14/01/2005, thành lập Chi nhánh Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên.
- Ngày 27/12/2007, đổi tên Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí tại Miền Trung và Tây Nguyên thành Xí nghiệp kinh doanh Phân bón Miền Trung và Tây Nguyên.
- Ngày 01/9/2008, thành lập Công ty TNHH Một thành viên Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Ngày 01/01/2011, chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.
- Ngày 01/6/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.
- Ngày 02/7/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết.
- Ngày 23/7/2015, Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên với mã cổ phiếu là PCE.

II. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp).
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Quảng cáo.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt.

Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của Công ty bao gồm 11 tỉnh khu vực Miền Trung - Tây Nguyên là Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Quảng Trị, Gia Lai, Kon Tum và ĐakLak.

III. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- **Mô hình quản trị:**

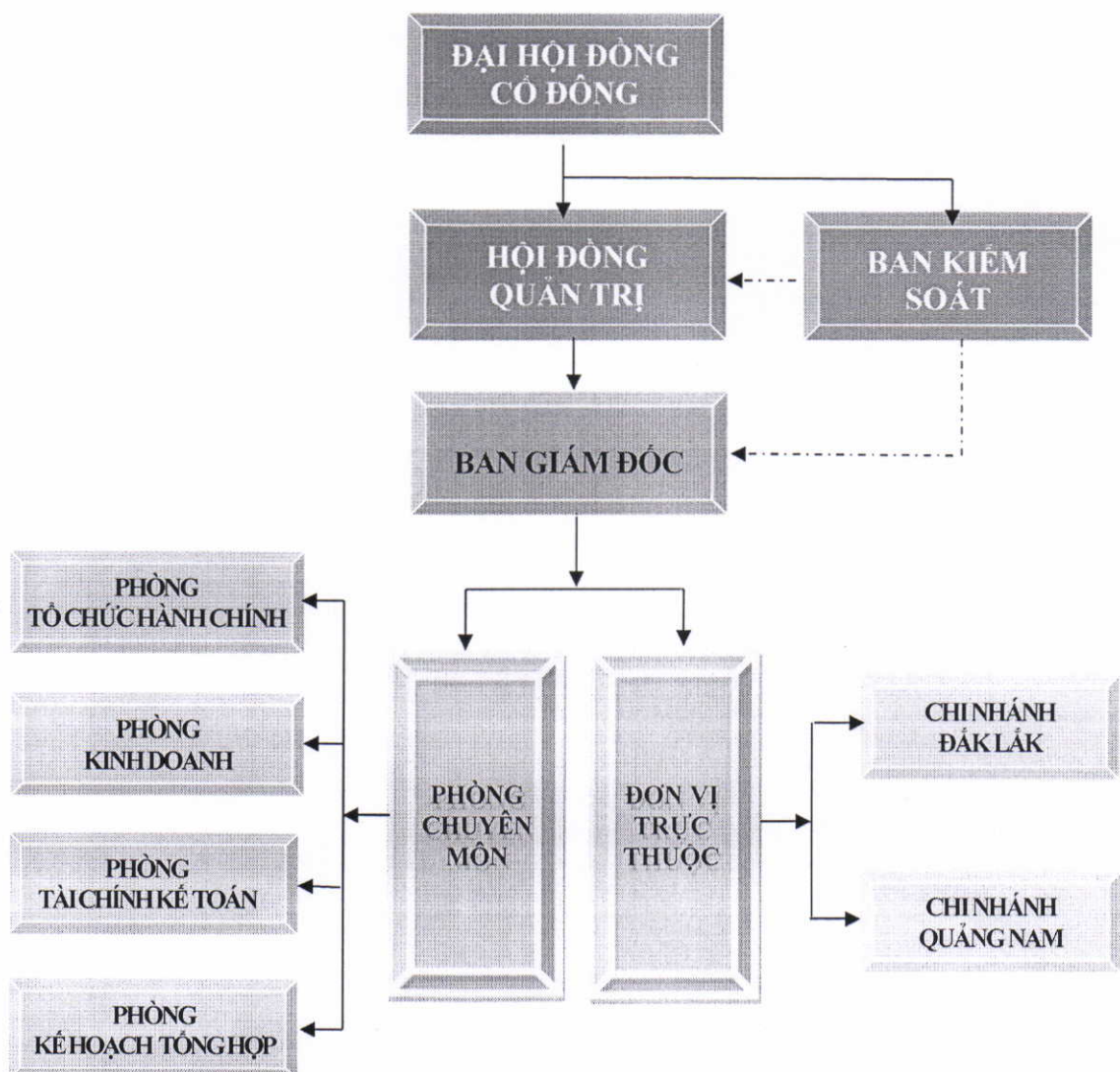
Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**



Handwritten signature

IV. Định hướng phát triển

Nguyên tắc phát triển:

- Tập trung kinh doanh và phân phối các sản phẩm chủ lực của PVFCCo (Ure, NPK);
- Kiểm soát chặt chẽ quá trình kinh doanh và phân phối nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người sử dụng, thực hiện đúng các cam kết với khách hàng và có giải pháp sử dụng, gắn bó với người tiêu dùng.
- Phát huy nội lực và hợp tác phát triển lâu dài với các đối tác nhằm chia sẻ rủi ro và khai thác các lợi thế, cơ hội.

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Duy trì 70% thị phần phân bón Ure tại khu vực.
- Tiếp tục đẩy mạnh kinh doanh, tăng thị phần các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và xây dựng phân bón Phú Mỹ là thương hiệu uy tín hàng đầu trên thị trường.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống phân phối tạo sự gắn kết và đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của đội ngũ CBNV, trọng tâm là phát triển đội ngũ cán bộ thị trường thấu hiểu và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
- Đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư, cũng như lợi ích của người lao động.

Chiến lược phát triển:

Đến năm 2025: Tiếp tục phát triển để duy trì vị trí hiện nay của Công ty là doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón hạng nhất trong khu vực Miền Trung – Tây nguyên, hàng đầu tại Việt nam. Phát triển kinh doanh một số loại hóa chất phục vụ công nghiệp dầu khí và nông nghiệp.

Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Phát triển doanh nghiệp luôn đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

V. Quản trị rủi ro

Với trách nhiệm thúc đẩy thành công dài hạn doanh nghiệp, bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, Công ty luôn nhận định, đánh giá và kiểm soát các rủi ro gắn kết với mục tiêu chiến lược và kế hoạch hành động để tối ưu hóa giá trị doanh nghiệp và phát triển bền vững. Trong năm 2017, Công ty quản trị các rủi ro trọng yếu bao gồm:

1. Rủi ro về biến đổi khí hậu: tình hình thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khó dự báo gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp và thị trường tiêu thụ phân bón.
2. Rủi ro về thị trường cung vượt cầu: thị trường phân bón tiếp tục cạnh tranh ngày càng gay gắt do nguồn hàng phân bón nhập khẩu luôn thường trực nhập về Việt Nam bất cứ lúc nào. Nguồn cung trong nước từ các Nhà máy sản xuất phân bón Ure, NPK công suất lớn ngày càng tăng.
3. Rủi ro về tài chính: vấn đề tài chính trong kinh doanh phân bón vẫn luôn tiềm ẩn do biến động khó lường về thời tiết, mất mùa, giá cả nông sản tụt giảm ảnh hưởng đến khả năng tái đầu tư của bà con nông dân.
4. Rủi ro về chất lượng sản phẩm của Nhà máy NPK Phú Mỹ: sản phẩm NPK Phú Mỹ thương mại lần đầu tiên được sản xuất nên khách hàng, nông dân sẽ có tâm lý

e ngại về chất lượng, mua bán dè chừng, trong khi đó sản lượng tiêu thụ NPK của Công ty 65.000 tấn tăng gấp 2 lần hiện nay, điều này sẽ là áp lực kinh doanh rất lớn cho Công ty trong năm 2018.

5. Rủi ro về môi trường, luật định:

- Việt Nam phải mở cửa trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp nước ngoài sẽ đầu tư sản xuất kinh doanh phân bón có thể thay thế một phần Urê. Những doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, năng lực quản lý kinh doanh tốt sẽ trở thành những đối thủ mạnh.
- Phân bón giả, kém chất lượng chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến thiệt thòi cho những doanh nghiệp kinh doanh nghiêm túc như Công ty.
- Chính sách thuế đang trong giai đoạn kiện toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón.

Trên cơ sở nhận định những rủi ro như trên, Công ty đã lên kế hoạch kiểm soát thường xuyên để kịp thời phát hiện và có những giải pháp ngăn chặn, hạn chế rủi ro nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đã định.

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

I. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017

Năm 2017 được đánh giá là có sự tăng trưởng về nhu cầu tiêu thụ phân bón so với 2016 do thời tiết thuận lợi hơn, mưa nhiều và không bị khô hạn kéo dài (dự báo sản lượng tiêu thụ phân bón cả nước: ure tăng trên 2%; NPK tăng trên 5%). Tuy nhiên lượng mưa nhiều kéo dài trong năm tại khu vực Tây nguyên và các đợt bão lũ liên tiếp vừa xảy ra tại Duyên hải miền Trung lại có tác động tiêu cực ảnh hưởng đến việc thu hoạch nông sản vào thời điểm cuối năm làm giảm năng suất, chất lượng và giá bán sản phẩm. Tại một số thời điểm, giá nông sản chủ lực như hồ tiêu chỉ còn 75.000 - 78.000 đồng/kg, giảm trung bình 43% so với cùng kỳ năm 2016; giá cà phê là 36.000 - 37.000 đ/kg, giảm 11%. Ngoài ra một số sản phẩm hoa màu khác như dưa hấu, bí đỏ, ớt cũng rớt giá nên bà con nông dân trong thời gian tới sẽ gặp khó khăn để tái đầu tư cho sản xuất nông nghiệp.

Năm 2017, lượng phân bón nhập khẩu cả nước tăng (tính hết 10 tháng đầu năm tăng 17% so với cùng kỳ 2016), chủ yếu là từ Trung Quốc và Nga, cộng với giá phân bón thế giới đến tháng 9/2017 giảm kéo theo giá phân bón trong nước quý 2 - 3/2017 duy trì ở mức rất thấp (thấp hơn 6 - 7% so với cùng kỳ 2016), các đại lý kinh doanh không hiệu quả nên việc tiêu thụ phân bón các loại kể cả ure Phú Mỹ vào thời điểm này rất khó khăn, tồn kho ure Phú Mỹ tăng cao. Đến đầu quý 4/2017, do những tác động từ thị trường quốc tế (các nhà máy Trung Quốc cắt giảm công suất hoạt động do chính sách quản lý môi trường; giá phân bón thế giới tăng) và tác động từ trong nước (việc áp dụng thuế phòng vệ đối với DAP; nguồn cung ure của các nhà máy trong nước giảm) giá phân bón mới bắt đầu tăng trở lại (giá ure trong quý 4 tăng khoảng 10% so với quý 2 - 3 và bằng giá cùng kỳ 2016).

Nhìn chung năm 2017 sản lượng tiêu thụ phân bón có sự tăng trưởng, tuy nhiên doanh thu và hiệu quả kinh doanh phân bón bị suy giảm. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 đạt được như sau:

1. Chỉ tiêu sản lượng:

Tổng sản lượng tiêu thụ dự kiến: 315.767 tấn, đạt 105% KH năm, đạt 101% so với năm 2016, trong đó:

- Ure Phú Mỹ: 207.199 tấn, đạt 104% KH năm, đạt 101% so với năm 2016.
- Phân bón tự doanh: 108.568 tấn, đạt 109% KH năm, bao gồm:
 - PB tự doanh thương hiệu Phú Mỹ: 76.320 tấn, đạt 117% KH năm, đạt 106% so với năm 2016.
 - NPK Phú Mỹ: 34.507 tấn, đạt 115% KH năm.
 - Kali Phú Mỹ: 41.818 tấn, đạt 119% KH năm.
 - PB tự doanh khác: 32.248 tấn, đạt 92% KH năm, đạt 91% so với năm 2016.

2. Chỉ tiêu tài chính:

- Doanh thu ước đạt 2.021,28 tỷ đồng, đạt 101% KH năm, đạt 101% so với năm 2016.

- Tổng chi phí dự kiến thực hiện 1.999,29 tỷ đồng, đạt 101% KH năm, đạt 101% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó:
 - Chi phí giá vốn là 1.940,62 tỷ đồng, đạt 101% KH năm.
 - Chi phí bán hàng là 35,08 tỷ đồng, đạt 100% KH năm.
 - Chi phí quản lý là 23,47 tỷ đồng, đạt 100% KH năm.
- Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 21,99 tỷ đồng, đạt 102% KH năm, đạt 70% so với năm 2016.
- Nộp NSNN đạt 8,84 tỷ đồng đạt 143% KH năm, đạt 76% so với năm 2016.
- Năm 2017, quyền lợi của các cổ đông được đảm bảo với tỷ lệ chia cổ tức theo kế hoạch dự kiến 12%/năm.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2017

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2016	KH 2017	TH 2017	TH 2017/ KH 2017	TH 2017/ TH 2016
A	Sản lượng KD	Tấn	311,617	300,000	315,767	105%	101%
1	Ure Phú Mỹ	Tấn	204,201	200,000	207,199	104%	101%
2	Phân bón TH PM	Tấn	71,765	65,000	76,320	117%	106%
3	Phân bón tự doanh	Tấn	35,417	35,000	32,248	92%	91%
4	Hóa chất	Tấn	234	0	0	0%	0%
B	Chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng Tài sản	Tỷ đồng	196.14	235.00	194.48	83%	99%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	161.00	172.58	155.03	90%	96%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2002.67	1993.60	2021.28	101%	101%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	31.50	21.53	21.99	102%	70%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25.20	17.23	17.60	102%	70%
6	Nộp NSNN	Tỷ đồng	11.59	6.17	8.84	143%	76%
7	Nợ phải trả	Tỷ đồng	35.14	60.00	39.45	66%	112%
C	Chỉ tiêu đầu tư						
1	Giá trị thực hiện	Tỷ đồng	2.30	1.10	0.69	63%	30%
2	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	2.30	1.10	0.69	63%	30%
D	Các chỉ tiêu khác						
1	Số lao động cuối kỳ	Người	63	65	63	97%	100%
2	Thu nhập bình quân	Trđ/người/tháng	23.38	21.6	22.5	104%	96%
3	Năng suất lao động	Trđ/người/tháng	2.6	2.56	2.66	104%	102%
4	Thực hiện đào tạo	Lượt người	282	180	212	118%	75%
5	Kinh phí đào tạo	Tỷ đồng	400.29	400	195	49%	49%

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành:

Ông Cao Trung Kiên

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Trần Tuấn Nam

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc
Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Nguyễn Văn Quyền

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Năm sinh: 1969
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Ông Mai Thanh Hải

Chức vụ: Phó Giám đốc
Năm sinh: 1978
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Lê Thanh Viên

Chức vụ: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Nguyễn Phạm Trung

Chức vụ: Ủy viên HĐQT
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Phạm Thành Long

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Nguyễn Thanh Mạnh

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát
Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

2. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Tính đến thời điểm 31/12/2017: tổng số lao động của Công ty là 63 người (trong đó lao động nữ là 20 người). 100% số lượng lao động hiện có được ký kết các loại HĐLĐ theo đúng quy định của Bộ luật lao động, trong đó: hợp đồng lao động

không xác định thời hạn 46 người; Hợp đồng từ 1-3 năm 15 người; Hợp đồng dưới 1 năm (HĐ khoán) là 02 người.

- Trong năm 2017, Công ty đã xây dựng, sửa đổi các nội quy, quy chế liên quan trực tiếp đến người lao động theo đúng Bộ Luật lao động, đảm bảo tính dân chủ và phù hợp với tình hình kinh doanh, mô hình quản lý của Công ty cổ phần niêm yết. Các quy chế, chính sách được xây dựng và sửa đổi: Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi; Quy định chế độ, chính sách đối với CBTT; Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định về một số chế độ, chính sách đối với cán bộ thị trường; Sửa đổi một số nội dung tại Quy định thiết lập và đánh giá chỉ số hoàn thành công việc (KPIs)...
- Các chính sách đang thực hiện đã thể hiện sự quan tâm cao của Công ty đến lợi ích chính đáng của NLĐ nhằm động viên, khích lệ người lao động phát huy, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

III. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Năm 2017, Công ty không đầu tư và thực hiện dự án nào.

IV. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài chính:

DVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/giảm
Tổng tài sản	194,48	196,14	-1%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	2.017,78	1.997,25	1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21,62	31,29	-31%
Lợi nhuận khác	0,38	0,20	86%
Lợi nhuận trước thuế	22,00	31,49	-30%
Lợi nhuận sau thuế	17,54	25,17	-30%
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	12%	20%	-40%

Với diễn biến phức tạp về thời tiết, khí hậu, giá cả, đối thủ cạnh tranh tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên trong năm 2017 đã ảnh hưởng rất lớn đến thị trường phân bón, thể hiện qua các chỉ số tài chính cơ bản năm 2017 của Công ty đều giảm với năm 2016. Trước sự khó khăn đó, Công ty đã cố gắng giữ vững thị trường, thị phần qua chỉ số doanh thu thuần tăng 1% so với năm trước và hoàn thành vượt kế hoạch đề ra tại ĐHCĐ năm 2017 đã được thông qua.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Cơ cấu vốn:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	76,09%	73,31%	4%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	23,91%	26,69%	-10%
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	17,20%	17,92%	-4%
Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	82,80%	82,08%	1%

Nguồn vốn lưu động tự có năm 2017 của Công ty luôn giữ ở mức cao như tài sản ngắn hạn chiếm 76,09% trong tổng tài sản, vốn chủ sở hữu chiếm 82,80% trong tổng nguồn vốn, đồng nghĩa với công nợ phải trả chiếm 17,20% và giảm 4% so với cùng kỳ năm trước. Các chỉ tiêu này cho thấy nguồn vốn kinh doanh chủ yếu là nguồn tự có của Công ty, nguồn vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh luôn đảm bảo ổn định, kịp thời.

- Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/giảm
Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn	4,42	4,09	8%
Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản lưu động – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	3,79	3,18	19%

Với chỉ số năm 2017, tỷ lệ tài sản lưu động chiếm 76,09% trong tổng tài sản và tỷ lệ nợ phải trả chiếm 17,20% trong tổng nguồn vốn đã tạo ra khả năng thanh toán từ 3 đến hơn 4 lần so với công nợ phải trả, khả năng thanh toán cao hơn năm trước từ 8% đến 19%. Điều này cho thấy được khả năng thanh toán của Công ty luôn được đảm bảo, thực hiện đúng nghĩa vụ công nợ đối với các nhà cung cấp.

- Năng lực hoạt động năm 2017:

Chỉ tiêu	Số vòng/năm 2017	Số vòng/năm 2016	Tăng/giảm	Số ngày/vòng (năm 2017)
Vòng quay hàng tồn kho	73	40	83%	5
Vòng quay khoản phải thu	90	74	21%	4

Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 là 73 vòng/năm, nghĩa là chu kỳ lưu kho hàng hóa 5 ngày thì được đưa ra thị trường tiêu thụ, nhanh hơn 83% so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, vòng quay các khoản phải thu là 90 vòng/năm, đồng nghĩa với việc đưa hàng hóa ra thị trường tiêu thụ thì sau 4 ngày luồng tiền sẽ được thu về, nhanh hơn 21% so với cùng kỳ năm trước. Qua đó, cho thấy khả năng quản lý, sử dụng nguồn vốn trong hoạt động điều phối hàng tồn kho, quản lý công nợ phải thu có hiệu quả.

- Khả năng sinh lời:

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Tăng/giảm
Doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu	12,53	12,32	2%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	10,33	8,67	19%
Lợi nhuận ròng/Doanh thu thuần	0,87%	1,26%	-31%
Lợi nhuận ròng/Vốn CSH bình quân (ROE)	10,89%	15,53%	-30%
Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản bình quân (ROA)	8,98%	10,92%	-18%

Các chỉ số doanh thu thuần/Vốn chủ sở hữu và Doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2017 đều tăng lần lượt là 2%, 19% so với cùng kỳ năm trước. Điều này thấy được nguồn vốn đầu tư vào hoạt động kinh doanh có sự tăng trưởng, hiệu quả hơn so với năm trước.

37
T
N
Đ
H
I
NG
B
I
N

Nhìn chung, tình hình tài chính năm 2017 của Công ty ổn định, đảm bảo kịp thời nguồn vốn để phục vụ cho quá trình hoạt động kinh doanh, trước sự biến đổi phức tạp của thị trường phân bón tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần:

Công ty hiện đang lưu hành 10.000.000 cổ phần phổ thông. Tất cả là cổ phần chuyển nhượng tự do.

2. Cơ cấu cổ đông:

Tính đến 17/11/2017, Công ty có 99 cổ đông (05 tổ chức và 94 cá nhân), trong đó có 02 cổ đông lớn là PVFCCo chiếm 75% và Ông Nguyễn Hữu Luận chiếm 8,5%, còn lại là các cổ đông nhỏ lẻ (theo danh sách do VSD cung cấp tại Công văn số C470/2017-PCE/VSD-ĐK ngày 21/11/2017).

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Năm 2017, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

VI. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, nước:

Với mô hình là công ty chuyên kinh doanh và phân phối, không trực tiếp sản xuất nên không có rác thải công nghiệp và không sử dụng nhiều năng lượng, điện, nước.

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến các đơn vị đảm bảo các quy định của pháp luật được áp dụng phù hợp; Đồng thời, định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình/quy định về ATSKMT - CL để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế phát sinh.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của Công ty.
- Thực hiện đo kiểm mức độ ô nhiễm tại các kho định kỳ 6 tháng/lần, đảm bảo môi trường làm việc cho CBNV.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát công tác an toàn trong quá trình kinh doanh, giao nhận hàng hóa, đảm bảo tuân thủ các quy định, ngăn ngừa và giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn, các vi phạm môi trường.
- Công tác quản lý chất thải được tuân thủ đúng và đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật: bố trí kho chứa chất thải nguy hại và thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật.
- Duy trì, tăng cường công tác vệ sinh, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở Văn phòng Công ty và các kho.

3. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổ chức khám sức khỏe cho CBNV, CBNV nữ nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp hoặc các loại bệnh khác để có biện pháp điều trị kịp thời.

- Theo dõi và thực hiện giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể đảm bảo không xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm cho CBNV.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên và CBNV làm việc thường xuyên tại các kho, cảng.

4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Triển khai thực hiện nhiều chương trình an sinh xã hội tại khu vực Công ty quản lý như chương trình xuân yêu thương, hỗ trợ các trung tâm bảo trợ xã hội, hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó, cứu trợ bão lũ...
- Tổ chức gây dựng và đóng góp Quỹ tương thân tương ái của Công ty nhằm chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.
- Thường xuyên tổ chức thăm hỏi và tặng quà các gia đình chính sách, các trung tâm bảo trợ xã hội, nhận phụng dưỡng 05 Mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn Công ty quản lý...

PHẦN III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

Trong bối cảnh thị trường phân bón năm 2017 cạnh tranh ngày càng khốc liệt, khó dự báo và thời tiết diễn biến khắc nghiệt, bất thường. Công ty đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp, phát huy các lợi thế, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Nhìn chung, các chỉ tiêu của Công ty trong năm 2017 đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

II. Tình hình tài chính

1. Tình hình tài sản:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2016	Tăng, giảm	Tăng/giảm
A	B	C	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1.	Tổng tài sản	Tỷ đồng	194,48	196,14	-1,66	-1%
2.	Các khoản nợ phải thu ngắn hạn. Trong đó:	”	16,88	28,16	-11,28	-40%
2.1	Phải thu của khách hàng	”	11,45	21,03	-9,57	-46%
2.2	Trả trước cho người bán	”	4,59	5,63	-1,04	-18%
2.3	Các khoản phải thu khác	”	0,83	1,51	-0,67	-45%

Tính đến ngày 31/12/2017:

- Tổng tài sản của Công ty là 194,48 tỷ đồng, giảm 1% so với cùng kỳ năm 2016.
- Các khoản phải thu ngắn hạn là 16,88 tỷ đồng, giảm 40% so với cùng kỳ năm 2016. (Trong đó: Chủ yếu là các khoản phải thu tiền dịch vụ làm hộ cho Tổng công ty là 8,70 tỷ đồng, phải thu tiền hàng phân khoáng hữu cơ 32 của Công ty TNHH Nam Du Gia Lai là 2,04 tỷ đồng).
- Công ty không có các khoản phải thu dài hạn và không có nợ xấu xảy ra.

Hiệu suất sử dụng tài sản:

$$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} = \frac{2.017,776 \text{ tỷ đồng}}{195,309 \text{ tỷ đồng}} = 10 \text{ vòng}$$

$$\text{Vòng quay tài sản cố định} = \frac{\text{Tổng doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}} = \frac{2.017,776 \text{ tỷ đồng}}{43,288 \text{ tỷ đồng}} = 47 \text{ vòng}$$

Các chỉ số trên cho thấy hiệu suất sử dụng tổng tài sản và tài sản cố định của Công ty có hiệu quả, với 1 đồng của tổng tài sản, tài sản cố định đầu tư vào hoạt động kinh doanh thì sinh ra từ 10 đến 47 đồng doanh thu.

2. Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2016	Tăng, giảm	Tăng/giảm
A	B	C	[1]	[2]	[3]=[1]-[2]	[4]=[3]/[2]
1.	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	194,48	196,14	-1,66	-1%
2.	Các khoản nợ phải trả ngắn hạn. Trong đó:	”	33,45	35,14	-1,69	-5%
2.1	Phải trả cho người bán	”	3,86	6,69	-2,83	-42%
2.2	Người mua trả tiền trước	”	18,20	8,44	9,76	116%
2.3	Các khoản phải trả khác	”	11,39	20,01	-8,62	-43%

Tính đến ngày 31/12/2017:

- Các khoản nợ phải trả ngắn hạn là 33,45 tỷ đồng, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2016. (Trong đó: Chủ yếu là khoản tiền ứng trước của khách hàng để lấy hàng Ure Phú Mỹ là 18,20 tỷ đồng; Các khoản phải trả khác là 11,39 tỷ đồng gồm: 4,70 tỷ đồng của quỹ lương phải trả người lao động; 3,70 tỷ đồng của quỹ khen thưởng, phúc lợi và 2,54 tỷ đồng thuế các loại phải nộp Ngân sách nhà nước).
- Công ty không có các khoản nợ phải trả dài hạn và không có nợ xấu xảy ra.

Các chỉ số nợ phải trả:

$$\text{Hệ số nợ trên Tổng tài sản} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{33,452 \text{ tỷ đồng}}{194,478 \text{ tỷ đồng}} = 17,20\%$$

$$\text{Hệ số nợ trên Vốn chủ sở hữu} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{33,452 \text{ tỷ đồng}}{161,026 \text{ tỷ đồng}} = 20,77\%$$

Các chỉ số trên cho thấy tỷ lệ nợ phải trả chiếm 17,20% trong tổng tài sản và tỷ lệ nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu là 20,77%. Điều này cho thấy cơ cấu nợ phải trả ở mức thấp, công nợ phải trả luôn được đảm bảo thực hiện đúng quy định và nguồn vốn sử dụng vào hoạt động kinh doanh chủ yếu là nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn tự có của Công ty.

III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Thường xuyên rà soát sắp xếp lại bộ máy tổ chức phòng ban, nhân sự cho phù hợp với tình hình kinh doanh mới theo hướng tinh giản và hiệu quả. Triển khai áp dụng đầy đủ cơ chế trả lương 3P. Tiếp tục rà soát cải tiến bổ sung quy định, tiêu chuẩn KPIs, cơ chế lương, thưởng theo năng lực và hiệu quả công việc. Tăng cường xây dựng kế hoạch và triển khai mạnh mẽ, hiệu quả hơn nữa công tác đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo nội bộ, trao đổi kinh nghiệm, kèm cặp tạo chỗ thường xuyên và liên tục.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức và điều chỉnh lại chức năng nhiệm vụ của các phòng phù hợp trên cơ sở tinh gọn và tăng cường công tác quản trị. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ giỏi. Tiếp tục hoàn thiện các quy trình quy chế, loại bỏ quy chế, quy định, quy trình không cần thiết.
- Bám sát chỉ đạo, định hướng của cấp trên để chủ động xây dựng phương án, kế hoạch và lộ trình cơ cấu lại tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của Công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý những sai sót trong công tác điều hành, kinh doanh;

IV. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tình hình biến đổi khí hậu vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, khó dự báo gây ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp và thị trường phân bón. Dự báo thị trường sẽ tiếp tục cạnh tranh gay gắt do nguồn hàng phân bón nhập khẩu luôn thường trực nhập về Việt Nam bất cứ lúc nào. Nguồn cung trong nước từ các nhà máy sản xuất phân bón ure, NPK công suất lớn ngày càng tăng. Những rủi ro về tài chính trong kinh doanh vẫn luôn tiềm ẩn do biến động khó lường về thời tiết, mất mùa, giá cả nông sản sụt giảm.

Nhằm giảm thiểu rủi ro, ứng phó kịp thời với mọi tình huống, diễn biến của thị trường, thích ứng với những thay đổi về chính sách của Nhà nước và chủ động trong hoạt động kinh doanh. Công ty xác định mục tiêu kế hoạch để phát triển như sau:

- Đảm bảo tiếp tục duy trì thị phần ure Phú Mỹ và là thương hiệu dẫn đầu tại khu vực.
- Đảm bảo tiêu thụ hết toàn bộ sản lượng NPK sản xuất được giao cũng như các sản phẩm thương hiệu Phú Mỹ khác hiệu quả.
- Duy trì được vị thế và ảnh hưởng của Công ty đối với hệ thống đại lý trước sự thay đổi phương thức bán hàng của Tổng công ty.
- Thực hành tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí quản lý bán hàng để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm là bán hàng, tiêu thụ hết toàn bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ, Công ty sẽ tổ chức nghiên cứu và hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ vi sinh để trình Tổng công ty phê duyệt làm tiền đề cho việc kinh doanh thêm sản phẩm thị trường ngách phân bón hữu cơ.
- Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Đảm bảo hài hòa lợi ích các cổ đông.

V. Giải trình ý kiến của kiểm toán (nếu có)

VI. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm về môi trường theo quy định. Định kỳ thực hiện các báo cáo về công tác an toàn – sức khỏe – môi trường cho Công ty mẹ và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.
- Công tác an sinh xã hội cũng được Công ty quan tâm, chú trọng nhằm thể hiện vai trò, trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng tại địa phương.

073
 NG
 PH
 AN B
 ĐA C
 U KH
 V TRU
 N-T

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2017, tình hình thị trường phân bón có nhiều bất lợi, nguồn cung tăng cao trong khi nhu cầu giảm mạnh và cạnh tranh ngày càng gay gắt. Thêm vào đó, tình hình thời tiết tại khu vực ngày càng khắc nghiệt, giá nhiều mặt hàng nông sản còn bấp bênh. Tuy nhiên, với sự đoàn kết, thống nhất cao, tập thể HĐQT đã đưa ra được những quyết sách đúng đắn, kịp thời để Công ty đạt được những kết quả tốt và hoàn thành tốt tất cả các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra; đồng thời luôn đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, người lao động và cổ đông.

HĐQT nhận thấy Ban Điều hành đã bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch của năm, tăng cường công tác phối hợp với các Đại lý và đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa. Tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017. Đồng thời giữ vững thị phần Ure Phú Mỹ tại khu vực, dần củng cố, hoàn thiện mạng lưới phân phối, tập trung triển khai mạnh các công tác chuẩn bị tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy NPK Phú Mỹ. Đồng thời, Công ty đã quyết liệt tổ chức nghiên cứu đánh giá thị trường sản xuất, kinh doanh phân bón hữu cơ vi sinh, đây được đánh giá là thị trường ngách không cạnh tranh với sản phẩm phân bón vô cơ hiện có của Công ty và đang có tiềm năng phát triển.

HĐQT cùng với Ban điều hành thường xuyên rà soát, xây dựng phương án bố trí nhân sự hợp lý và đưa ra những quyết định về công tác cán bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức, mô hình hoạt động của Công ty, đảm bảo đội ngũ cán bộ chủ chốt có đủ năng lực, phẩm chất điều hành một cách có hiệu quả. Đội ngũ CBNV thường xuyên được đào tạo, huấn luyện để nâng cao năng lực, đáp ứng yêu cầu kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty. Việc triển khai và áp dụng Quy định về thiết lập và đánh giá chỉ số hoàn thành công việc KPIs đã phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy tinh thần làm việc hăng say, chủ động sáng tạo, tích cực tìm kiếm giải pháp để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các công tác tiếp thị truyền thông, an sinh xã hội, chăm sóc khách hàng, các hội thảo bán hàng trực tiếp, mô hình trình diễn hội nghị tập huấn về nông nghiệp... cũng được triển khai tốt và mang lại hiệu quả thiết thực.

Công tác quản lý và sử dụng vốn, đặc biệt là công tác quản lý công nợ được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo an toàn về tài chính. Xây dựng, điều chỉnh kịp thời quy định hạn mức công nợ cho từng khách hàng để phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh. Đồng thời, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nêu cao tinh thần tự giác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của CBNV, và tiết giảm tối đa các chi phí trong mọi mặt hoạt động.

Ngoài ra, công tác an toàn luôn được Công ty quan tâm duy trì và đặt lên hàng đầu. Kết quả trong năm 2017, Công ty không để xảy ra sự cố nào làm ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Công tác an ninh, phòng chống cháy nổ luôn được chú trọng.

Hội đồng quản trị cùng với Ban Điều hành Công ty đã đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh tại từng thời điểm và có chỉ đạo cụ thể thông qua các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản trị định kỳ, trong quá trình triển khai công việc Ban Điều hành đã tuân

thủ đầy đủ các quy trình, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật. Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 đã thông qua.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành. Kết thúc năm 2017, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Giám đốc đã thực hiện đầy đủ và đúng theo các chỉ đạo của Hội đồng quản trị đề ra.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhằm thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu kế hoạch năm 2018, HĐQT xác định nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành Công ty, tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị với những nội dung, chương trình hoạt động như sau:

- Chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 theo Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT Công ty.
- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật, mô hình công ty niêm yết và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kiểm soát nội bộ, công tác phòng ngừa rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty;
- Giữ vững thị phần ure, từng bước phát triển thị phần NPK Phú Mỹ, thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trong điều kiện thị trường cạnh tranh gay gắt. Bảo vệ và phát triển uy tín, thương hiệu phân bón Phú Mỹ;
- Tiếp tục chỉ đạo công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, kinh doanh đa dạng hóa sản phẩm;
- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác khi ĐHĐCĐ giao.
- Chỉ đạo và giám sát thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2018.

Trên đây là những phân tích đánh giá cơ bản công tác điều hành trong năm 2017 và những định hướng kế hoạch công tác mới trong năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung.

PHẦN V QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên (nhiệm kỳ 2016-2021), trong đó có 1 Chủ tịch chuyên trách, 1 thành viên kiêm Giám đốc, 1 thành viên kiêm Phó Giám đốc, 1 thành viên kiêm Kế toán trưởng, và 1 thành viên độc lập không điều hành.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Cao Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	30.000	3.030.000
2	Trần Tuấn Nam	UV.HĐQT, GD	2.000.000	0	2.000.000
3	Nguyễn Văn Quyền	UV.HĐQT, PGĐ	1.250.000	0	1.250.000
4	Lê Thanh Viên	UV.HĐQT, KTT	0	20.000	20.000
5	Nguyễn Phạm Trung	UV.HĐQT	1.250.000	0	1.250.000

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2017, HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành thông qua việc tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT. Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban định kỳ của Ban điều hành. Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị làm việc thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến các thành viên thông qua hình thức phiếu xin ý kiến để ban hành các nghị quyết, quyết định, thông qua những nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Phê duyệt và giao quỹ lương kế hoạch và giao quỹ lương thực hiện năm 2016;
- Phê duyệt và giao kế hoạch kinh doanh năm 2017;

- Thông qua kế hoạch tổ chức và tài liệu ĐHCĐ thường niên 2017;
- Phê duyệt và ban hành định mức hàng tồn kho, công nợ phải thu;
- Phê duyệt kế hoạch trích lập và phương án phân phối Quỹ thưởng BQLĐH năm 2016;
- Nghị quyết chuyên đề về hệ thống phân phối;
- Phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017;
- Chấp thuận chủ trương nghiên cứu, đầu tư SXKD phân bón hữu cơ vi sinh;
- Triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý III/2017;
- Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi;
- Triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý IV/2017;
- Chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017;
- Phê duyệt hạn mức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng;
- Ban hành Quy chế Thi đua Khen thưởng;
- Thông qua kế hoạch hoạt động năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty;
- Chỉ đạo công tác quản lý, tổ chức cán bộ, phát triển nguồn nhân lực;
- Chỉ đạo cập nhật, triển khai Chiến lược phát triển Công ty;
- Thực hiện các hoạt động giám sát, chỉ đạo khác cho Ban điều hành trong tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2018.

Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách và 04 thành viên kiêm nhiệm đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các quy chế, chế độ báo cáo, các cuộc họp với Ban điều hành có sự tham dự của HĐQT.

3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và các tiểu ban trong HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

4. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

1. Ông Cao Trung Kiên, Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Văn Quyền, Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc
3. Ông Lê Thanh Viên, Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng

Danh sách các thành viên HĐQT chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

1. Ông Trần Tuấn Nam, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
2. Ông Nguyễn Phạm Trung, Thành viên HĐQT

II. Ban Kiểm soát

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết		
			Đại diện	Cá nhân	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng ban	0	5.000	5.000
2	Phạm Thành Long	Thành viên	0	0	0
3	Nguyễn Thanh Mạnh	Thành viên	0	0	0

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2017, Ban Kiểm soát Công ty đã tổ chức họp 04 lần để thống nhất thông qua các hoạt động kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát với các nội dung chủ yếu:

- Giám sát việc chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017 và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2017.
- Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động kinh doanh.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, họp giao ban công ty cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm báo cáo hoạt động kinh doanh và báo cáo công tác quản lý hàng tháng.
- Kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của Tổng Công ty thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty:

Thực hiện kế hoạch năm 2017 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, kết quả đạt được như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2017	TH năm 2017	Tỷ lệ
Sản lượng	Tấn	300.000	315.767	105%
Doanh thu	Tỷ đồng	1,993.60	2,021.28	101%
Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	21.53	21.99	102%
Lợi nhuận ST	Tỷ đồng	17.23	17.54	102%
Nộp NSNN	Tỷ đồng	6.17	8.84	143%
Tiết kiệm	Tỷ đồng	1.61	1.69	105%

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định tạm chi cổ tức đợt 1 năm 2017 là 6%/mệnh giá tương đương 600 đồng/cổ phần (Nghị quyết 442/NQ-CMT ngày 24/10/2017).

DU
CÓN
CỔ P
'HÀN
HỘP
ĐẦU
IẾN T
HON

4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao, bảo toàn và sử dụng hiệu quả vốn của chủ sở hữu, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, các chỉ tiêu tài chính vượt kế hoạch, đảm bảo tỷ lệ chia cổ tức hàng năm.

Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết nghị của HĐQT. Việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp và quy định của pháp luật phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Ban Kiểm soát nhận thấy báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Giám đốc Công ty đã phản ánh đầy đủ và trung thực tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty. Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc bám sát nghị quyết và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, mang lại lợi ích cho cổ đông. Quá trình ra quyết định, của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tuân thủ Điều lệ hoạt động của Công ty, quy định pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua.

5. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018:

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018 và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc triển khai, quản lý, tổ chức điều hành hoạt động SXKD, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính, các báo cáo quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Giám đốc.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý hiện hành.
- Giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo quy định.

III. Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên của Công ty.

Đối với các thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

Tiền thưởng và phúc lợi: các thành viên HĐQT, thành viên ban Kiểm soát, ban điều hành hưởng các khoản tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ khen thưởng – phúc lợi chung của toàn Công ty dành cho người lao động.

1. Chi tiết tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2017 như sau:

ĐVT: đồng

Stt	Chức danh	Tiền lương + Thù lao	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT-PL	Tổng cộng
I.	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3,037,689,259	410,408,609	3,448,097,868
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	888,352,094	120,221,538	1,008,573,631
2	UV HĐQT kiêm Giám đốc	792,516,099	109,783,615	902,299,714
3	UV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	686,226,944	90,201,728	776,428,672
4	UV HĐQT kiêm Kế toán trưởng	622,594,122	90,201,728	712,795,850
5	UV HĐQT không chuyên trách	48,000,000	0	48,000,000
II.	BAN KIỂM SOÁT	102,000,000	0	102,000,000
1	Trưởng Ban Kiểm soát	42,000,000	0	42,000,000
2	Thành viên Ban kiểm soát	30,000,000	0	30,000,000
3	Thành viên Ban kiểm soát	30,000,000	0	30,000,000
TỔNG CỘNG		3,139,689,259	410,408,609	3,550,097,868

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2017, các cổ đông nội bộ của Công ty không thực hiện giao dịch.

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: trong năm 2017, Công ty có phát sinh giao dịch với Tổng công ty ở 03 lĩnh vực: Hợp đồng mua bán Phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ; Hợp đồng dịch vụ hậu cần (bốc xếp, vận chuyển, lưu kho) và Hợp đồng phân cấp thực hiện công tác tiếp thị truyền thông, xúc tiến thương mại, dịch vụ kỹ thuật).

4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

HĐQT đã áp dụng và thực hiện các chuẩn mực quản trị Công ty cổ phần, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển ổn định và đạt các chỉ tiêu kế hoạch.

PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(đính kèm)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Trần Tuấn Nam

[Vertical stamp: C.T.C.P]

[Handwritten mark]

Deloitte

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT
DẦU KHÍ MIỀN TRUNG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quyền	Thành viên
Ông Nguyễn Phạm Trung	Thành viên
Ông Lê Thanh Viên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Nam	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Giám đốc
Ông Mai Thanh Hải	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

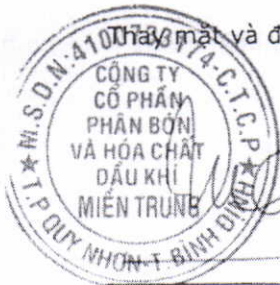
Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình,
Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Chạm mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



[Handwritten signature]

Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.986.239.340	143.787.164.341
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	69.850.206.509	63.204.394.507
1. Tiền	111		6.850.206.509	8.204.394.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	55.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	40.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.876.336.601	28.161.092.441
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	11.453.841.150	21.025.962.274
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.588.487.250	5.628.548.064
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	834.008.201	1.506.582.103
IV. Hàng tồn kho	140	9	21.226.491.150	32.137.447.147
1. Hàng tồn kho	141		21.226.491.150	33.762.514.698
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.625.067.551)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.205.080	284.230.246
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	33.205.080	284.230.246
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.492.247.629	52.352.719.338
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		156.560.000	123.870.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		156.560.000	123.870.000
II. Tài sản cố định	220		40.636.401.459	45.938.729.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	19.152.670.197	24.289.979.517
- Nguyên giá	222		70.628.907.323	71.075.140.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.476.237.126)	(46.785.160.953)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	21.483.731.262	21.648.749.657
- Nguyên giá	228		22.256.641.250	22.256.641.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(772.909.988)	(607.891.593)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.659.286.170	6.290.120.164
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	5.598.081.395	6.095.540.511
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		61.204.775	194.579.653
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		194.478.486.969	196.139.883.679

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

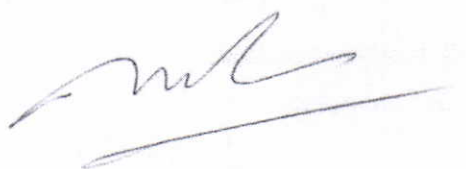
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		33.452.030.447	35.142.098.371
I. Nợ ngắn hạn	310		33.452.030.447	35.142.098.371
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.859.746.930	6.686.999.670
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	18.202.447.513	8.440.870.941
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	2.539.560.886	3.358.433.559
4. Phải trả người lao động	314		4.707.691.953	4.035.857.785
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		306.023.873	972.898.264
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	142.498.668	6.085.462.650
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.694.060.624	5.561.575.502
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		161.026.456.522	160.997.785.308
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	161.026.456.522	160.997.785.308
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.884.718.104	24.884.718.104
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.141.738.418	36.113.067.204
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		28.113.067.204	30.159.116.852
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.028.671.214	5.953.950.352
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		194.478.486.969	196.139.883.679



Phạm Thương Tín
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

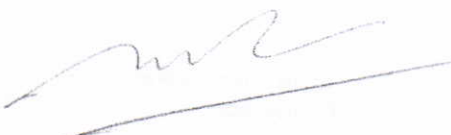
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	2.053.425.572.054	2.021.161.420.377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	35.649.476.029	23.909.723.929
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	2.017.776.096.025	1.997.251.696.448
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	1.940.617.853.044	1.910.248.763.572
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		77.158.242.981	87.002.932.876
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.105.256.914	5.217.623.983
7. Chi phí tài chính	22		114.722.774	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		79.260.274	-
8. Chi phí bán hàng	25	23	35.059.641.661	35.934.951.956
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	23.471.996.377	24.996.705.996
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		21.617.139.083	31.288.898.907
11. Thu nhập khác	31	24	401.184.697	203.652.211
12. Chi phí khác	32	24	23.157.396	10.583
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	24	378.027.301	203.641.628
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		21.995.166.384	31.492.540.535
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	4.325.952.488	6.492.946.000
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		133.374.878	(168.021.389)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		17.535.839.018	25.167.615.924
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.403	1.921


Phạm Thương Tín
Người lập biểu


Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng


Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam


MẪU SỐ B 03-DN

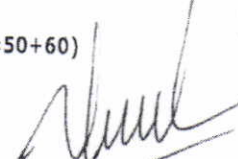
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.995.166.384	31.492.540.535
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.302.327.715	6.451.561.580
Các khoản dự phòng	03		(1.625.067.551)	(2.752.894.177)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(3.166.800)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.158.397.823)	(5.217.623.983)
Chi phí lãi vay	06		79.260.274	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.593.288.999	29.970.417.155
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.366.949.173	(2.132.100.946)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.536.023.548	34.639.263.827
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.667.551.473	(63.420.605.294)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		748.484.282	(93.329.155)
Tiền lãi vay đã trả	14		(79.260.274)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.814.177.007)	(7.953.963.611)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		50.000.000	646.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.424.682.682)	(8.869.100.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.644.177.512	(17.213.418.377)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(79.000.000)	(1.662.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		53.140.909	-
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.000.000.000)	(150.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	140.000.000.000
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.029.373.581	4.963.804.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.996.485.510)	(6.698.495.461)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		26.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	35		(26.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.001.880.000)	(20.009.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(20.001.880.000)	(20.009.820.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		6.645.812.002	(43.921.733.838)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		63.204.394.507	107.126.128.345
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70		69.850.206.509	63.204.394.507


Phạm Thương Tín
Người lập biểu


Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng


Trần Tuấn Nam
Giám đốc

Ngày 26 tháng 02 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG

Lô A2, Cụm công nghiệp Nhơn Bình,
Phường Nhơn Bình, Thành phố Quy Nhơn,
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung ("Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100733174 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Công ty đã được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung - thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350400294 ngày 15 tháng 8 năm 2008 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 3 năm 2012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội vào ngày 23 tháng 7 năm 2015 với mã chứng khoán là PCE.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 63 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 63 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Mua bán hàng nông, lâm sản; Mua bán các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hóa chất có liên quan; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa; Kinh doanh kho bãi.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25
Máy móc, thiết bị	6
Phương tiện vận tải	5 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn, quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn; quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước khác.

Công ty thuê 20.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Bình trong 45 năm, tiền thuê đất trả trước được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	247.947.567	186.869.421
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.602.258.942	8.017.525.086
Các khoản tương đương tiền (*)	63.000.000.000	55.000.000.000
	69.850.206.509	63.204.394.507

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2% đến 5%/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	40.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	2.064.182.380	11.322.847.500
Các khách hàng khác	688.987.785	61.326.318
Phải thu khách hàng các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	8.700.670.985	9.641.788.456
	11.453.841.150	21.025.962.274

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thảo Nguyên Xanh	39.000.000	-
Trả trước cho người bán các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	4.549.487.250	5.628.548.064
	4.588.487.250	5.628.548.064

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi dự thu	623.299.999	168.916.666
Phải thu khác	151.821.052	494.562.427
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	58.887.150	843.103.010
	834.008.201	1.506.582.103

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	7.500.000	-	1.330.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	106.950.800	-
Hàng hóa	21.218.991.150	-	33.654.233.898	(1.625.067.551)
Cộng	21.226.491.150	-	33.762.514.698	(1.625.067.551)

Trong năm, Công ty hoàn nhập dự phòng đã trích tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 với giá trị 1.625.067.551 đồng do đã tiêu thụ được toàn bộ số hàng tồn kho bị giảm giá tại ngày này.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	62.191.696.457	454.718.500	5.979.029.335	2.449.696.178	71.075.140.470
Thanh lý	-	-	-	(446.233.147)	(446.233.147)
Số dư cuối năm	62.191.696.457	454.718.500	5.979.029.335	2.003.463.031	70.628.907.323
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	40.557.721.406	454.718.500	3.653.137.291	2.119.583.756	46.785.160.953
Trích khấu hao trong năm	4.134.459.105	-	846.633.004	156.217.211	5.137.309.320
Thanh lý	-	-	-	(446.233.147)	(446.233.147)
Số dư cuối năm	44.692.180.511	454.718.500	4.499.770.295	1.829.567.820	51.476.237.126
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	21.633.975.051	-	2.325.892.044	330.112.422	24.289.979.517
Tại ngày cuối năm	17.499.515.946	-	1.479.259.040	173.895.211	19.152.670.197

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 15.775.062.447 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.938.807.568 đồng).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
Số dư cuối năm	22.102.927.889	153.713.361	22.256.641.250
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	537.706.650	70.184.943	607.891.593
Trích khấu hao trong năm	113.780.608	51.237.787	165.018.395
Số dư cuối năm	651.487.258	121.422.730	772.909.988
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	21.565.221.239	83.528.418	21.648.749.657
Tại ngày cuối năm	21.451.440.631	32.290.631	21.483.731.262

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	33.205.080	284.230.246
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ dưới 1 năm	33.205.080	190.618.421
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	93.611.825
b) Dài hạn	5.598.081.395	6.095.540.511
Chi phí trả trước về thuê đất khu công nghiệp Nhơn Bình	5.181.897.829	5.334.681.057
Chi phí trả trước dài hạn khác	416.183.566	760.859.454
	5.631.286.475	6.379.770.757

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn	1.160.588.563	1.160.588.563	1.034.048.893	1.034.048.893
Công ty TNHH Vân Hùng Wine	885.000.000	885.000.000	855.000.000	855.000.000
Các nhà cung cấp khác	1.675.098.707	1.675.098.707	1.630.924.347	1.630.924.347
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	139.059.660	139.059.660	3.167.026.430	3.167.026.430
	3.859.746.930	3.859.746.930	6.686.999.670	6.686.999.670

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Phân bón Minh Tân	5.390.890.010	-
Công ty TNHH Hồng Nhung	2.303.871.665	1.136.495.678
Công ty TNHH Nam Du Gia Lai	2.190.357.313	1.013.969.141
Công ty TNHH Thương mại Kim Vũ Bích	2.049.342.184	1.273.257.924
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ T & A	783.440.526	144.830.000
Các khách hàng khác	5.213.436.477	1.526.137.888
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	271.109.338	3.346.180.310
	<u>18.202.447.513</u>	<u>8.440.870.941</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	643.544.024	1.400.318.854	1.238.847.144	805.015.734
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.969.978.893	4.325.952.488	4.814.177.007	1.481.754.374
Tiền thuê đất	-	2.346.000	2.346.000	-
Các loại thuế khác	744.910.642	2.293.580.454	2.785.700.318	252.790.778
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	744.910.642	2.290.580.454	2.782.700.318	252.790.778
Cộng	<u>3.358.433.559</u>	<u>8.022.197.796</u>	<u>8.841.070.469</u>	<u>2.539.560.886</u>

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Kinh phí công đoàn	35.951.461	-
Cổ tức phải trả	720.000	1.502.600.000
Phải trả ngắn hạn khác	103.387.847	80.423.290
Phải trả ngắn hạn khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	2.439.360	4.502.439.360
	<u>142.498.668</u>	<u>6.085.462.650</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	23.626.337.308	39.557.009.447	163.183.346.755
Lợi nhuận trong năm	-	-	25.167.615.924	25.167.615.924
Trích lập quỹ	-	1.258.380.796	(8.611.558.167)	(7.353.177.371)
Chia cổ tức	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	24.884.718.104	36.113.067.204	160.997.785.308
Lợi nhuận trong năm	-	-	17.535.839.018	17.535.839.018
Trích lập quỹ (i)	-	-	(3.507.167.804)	(3.507.167.804)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	24.884.718.104	36.141.738.418	161.026.456.522

(i) Căn cứ vào Nghị quyết số 117/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 3.507.167.804 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(ii) Theo Nghị quyết số 117/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016, theo đó cổ tức chia cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2016 là 20.000.000.000 đồng. Trong năm 2016, Công ty đã tạm trích cổ tức với số tiền 12.000.000.000 đồng, số còn lại đã được Công ty chia cho các cổ đông trong năm nay. Đồng thời, trong năm 2017, Công ty đã tạm trích cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2017 là 6.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	75,0%	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng	4,9%	4.900.000.000	4.900.000.000
Công ty TNHH Minh Tân	3,0%	3.000.000.000	3.000.000.000
Các cổ đông khác	17,1%	17.100.000.000	17.100.000.000
	100%	100.000.000.000	100.000.000.000

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 20 và 21.

Trong năm, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu phân bón	2.024.500.675.500	1.984.712.004.710
Doanh thu hóa chất	-	1.970.665.800
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.924.896.554	34.478.749.867
	2.053.425.572.054	2.021.161.420.377
Chiết khấu thương mại	35.649.476.029	23.032.688.929
Giảm giá hàng bán	-	877.035.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.017.776.096.025	1.997.251.696.448
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 28)	56.107.704.591	684.407.444.593

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn phân bón	1.912.027.958.760	1.874.306.341.377
Giá vốn hóa chất	-	1.874.628.000
Giá vốn cung cấp dịch vụ	28.589.894.284	34.067.794.195
	1.940.617.853.044	1.910.248.763.572

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	26.028.838.214	24.138.127.891
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.302.327.715	6.451.561.580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.222.441.911	62.836.656.560
Chi phí khác bằng tiền	2.453.683.960	2.826.344.414
	85.007.291.800	96.252.690.445

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	12.140.004.691	10.575.207.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.148.763.529	5.470.396.318
Các khoản chi phí bán hàng khác	20.770.873.441	19.889.348.102
	35.059.641.661	35.934.951.956
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	13.496.491.033	13.177.468.239
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.975.505.344	11.819.237.757
	23.471.996.377	24.996.705.996

24. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	401.184.697	203.652.211
Tiền phạt chậm thanh toán hợp đồng	255.009.197	184.357.472
Thu nhập từ thanh lý tài sản	53.140.909	-
Thu nhập khác	93.034.591	19.294.739
Chi phí khác	23.157.396	10.583
Chi phí thanh lý tài sản	7.000.000	-
Chi phí khác	16.157.396	10.583
Lợi nhuận khác	378.027.301	203.641.628

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	21.995.166.384	31.492.540.535
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: các khoản chi phí không được trừ	607.494.321	972.189.465
Trừ: các khoản chi phí không được khấu trừ năm trước chuyển sang	(972.898.264)	-
Thu nhập chịu thuế	21.629.762.441	32.464.730.000
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.325.952.488	6.492.946.000
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.325.952.488	6.492.946.000

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	17.535.839.018	25.167.615.924
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	3.507.167.804	5.955.284.776
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	14.028.671.214	19.212.331.148
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.403	1.921

27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	152.783.228	152.783.228

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 20.000 m² tại khu Công nghiệp Nhơn Bình với giá thuê 0,65 USD/m²/năm. Thời hạn phân bổ chi phí thuê đất là 42 năm tính từ năm 2010.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Chi nhánh Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Cùng Công ty mẹ
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Cùng Tập đoàn
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Minh Tân	Cổ đông

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Bán hàng	27.930.809.687	649.988.307.294
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	11.147.450.000	33.652.875.975
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	14.845.859.687	13.547.893.750
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	775.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	1.162.500.000	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	1.970.665.800
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	660.450.000
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	557.761.421.769
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí	-	42.395.000.000
Cung cấp dịch vụ	28.176.894.904	34.419.137.299
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	4.234.587.620
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	28.172.651.704	30.153.809.676
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	4.243.200	470.363
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	30.269.640
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.828.510.611.354	1.815.517.337.371
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.781.204.495.565	1.376.860.825.448
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	13.637.665.306	248.348.461
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	340.105.364.912
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	-	66.240.000
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	6.183.000.000
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	330.671.675	358.990.522
Chi nhánh Côn Sơn - Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	60.005.000	56.083.500
Công ty TNHH MTV Minh Tân	31.540.000.000	90.614.302.500
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	265.347.500	20.700.000
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	699.679.634	920.074.208
Công ty Bảo hiểm PVI Tây Nguyên	177.468.300	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	40.257.800	24.392.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	555.020.574	59.015.100
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	15.000.000.000	15.000.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

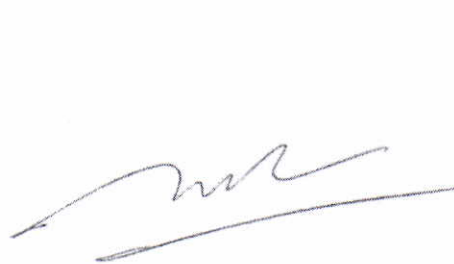
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	5.056.230.008	5.158.702.014

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN TRUNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu của khách hàng	8.700.670.985	9.641.788.456
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.695.486.065	2.572.273.456
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	33.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	5.184.920	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	7.069.482.000
Trả trước cho người bán	4.549.487.250	5.628.548.064
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.549.487.250	4.328.548.064
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	1.300.000.000
Phải thu khác	58.887.150	843.103.010
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	58.887.150	464.603.010
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	378.500.000
Phải trả người bán	139.059.660	3.167.026.430
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	3.072.220.849
Công ty Bảo hiểm PVI Tp. Hồ Chí Minh	139.059.660	94.805.581
Người mua trả tiền trước	271.109.338	3.346.180.310
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Trung	132.794.025	141.744.025
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	138.315.313	-
Công ty TNHH MTV Minh Tân	-	2.543.986.285
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	660.450.000
Phải trả ngắn hạn khác	2.439.360	4.502.439.360
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.439.360	4.502.439.360
- Cổ tức	-	4.500.000.000
- Phải trả khác	2.439.360	2.439.360



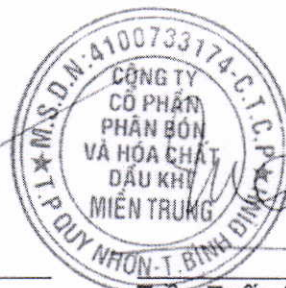
Phạm Thương Tín
Người lập biểu



Lê Thanh Viên
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Nam
Giám đốc



Ngày 26 tháng 02 năm 2018